

Bản án: 105/2025/HNGĐ-ST

Ngày 03/3/2025

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - Ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên tòa

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 650/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2024 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 80/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 20 tháng 2 năm 2025, giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm: 2001; địa chỉ: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau .

2. Bị đơn: Anh Thái A, sinh năm: 1998; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Chị B, anh A có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2024 nguyên đơn Trần Thị B trình bày: Chị và anh A trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2020 nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

N vào ngày 14/11/2022. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và cách sống, thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, anh A không quan tâm chăm sóc vợ con, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Chị thấy rằng cuộc sống giữa chị và anh A không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A; Về con chung: Có 01 con chung tên Thái Trần Bảo A1 - sinh ngày 23/8/2021, hiện cháu đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/12/2024 anh Thái A trình bày: Anh thừa nhận việc vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, nay chị B yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý; Về con chung: Có 01 con chung tên Thái Trần Bảo A1 - sinh ngày 23/8/2021, hiện đang sống với chị B, anh đồng ý giao con cho chị B nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn, nuôi con chung” giữa chị và anh A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Chị B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh A đã nhận được quyết định xét xử và anh cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của chị B, anh A không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị B, anh A.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Thái A trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 14/11/2022 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên cự cãi nhau. Mặc dù, vợ chồng đã cho nhau rất nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Anh, chị sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay, giữa chị B và anh A không

còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người lấy sống. Nay chị B thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh A không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh A. Đối với anh A, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về việc chị B xin ly hôn, anh cũng thể hiện ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, anh đồng ý ly hôn với chị B. Xét thấy hôn nhân của chị B và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Thái A.

{2.2} Về con chung: Anh, chị xác định có 01 người con chung tên Thái Trần Bảo A1 - sinh ngày 23/8/2021, hiện cháu Bảo A1 đang ở với chị B, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh A cấp dưỡng. Tòa án đã tổng đạt thông báo cho anh A về việc chị B yêu cầu được nuôi cháu Bảo A1, anh A có ý kiến đồng ý giao cháu Bảo A1 cho chị B nuôi dưỡng. Cho nên, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử giao cháu Bảo A1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

{2.3} Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị B là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh A có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị B phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009009 ngày 03/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị B đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Thái A.

2. Về con chung: Xử giao cháu Thái Trần Bảo A1 - sinh ngày 23/8/2021 cho chị Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị B không yêu cầu cấp dưỡng nên anh A không phải cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con.

Anh A có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị B phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009009 ngày 03/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị B đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên